

Bản án số: 144/2017/HSPT

Ngày: 29-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn D

Ông Nguyễn Văn Nhiên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thu - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 29/12/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 154/2017/HSPT ngày 02/10/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D, Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo H, C, D, T, P với bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; Tên gọi khác: Không; Sinh trú quán: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết); và bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1930; Có vợ là: Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; Con: Có 02, lớn sinh năm 1997; nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền S: Không; Nhân thân: Ngày 04/4/2008 có hành vi cùng đồng phạm đánh bạc với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 4.240.000 đồng. Tại Bản án số 45/2008/HSST ngày 13/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đã xử phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc, phạt bổ sung 3.000.000đ và pH chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 20/4/2009 H đã chấp hành xong tiền phạt và án phí. Ngày 01/10/2009 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Tại Bản án số 326/HSST ngày 20/9/1993 của Tòa án quân sự Quân khu 1 đã xử phạt Nguyễn Văn H 03 năm tù về tội “Phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia”. Ngày 05/7/1995 H chấp hành xong hình phạt tù; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

30/10/2016 đến ngày 24/11/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (Vắng mặt).

2. Trần Việt C, sinh năm 1972; Tên gọi khác: H; Sinh trú quán: Khu H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trần Văn B (đã chết); và con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1933; có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1973 (hiện không rõ địa chỉ cư trú); Bị cáo có 01 con sinh năm 2013; Tiền án: Có 03 tiền án: Tại Bản án số 23/HSST ngày 25/12/1991 của tòa án nhân dân huyện L đã xử phạt 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp với 15 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” tại Bản án số 22 ngày 15/10/ 1991 của Tòa án nhân dân huyện L buộc phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 21 tháng tù; Tại Bản án số 165/HSST ngày 25/10/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”; Tại Bản án số 83/HSST ngày 02/4/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã áp dụng điểm d khoản 3 Điều 185i; khoản 1, 3 Điều 185o Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình S năm 1985 xử phạt 16 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 20.000.000 đồng. Ngày 17/7/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa chấp hành xong tiền phạt bổ sung; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1990 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2016 đến ngày 24/11/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (Vắng mặt).

3. Lâm Tiến D, sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Sinh trú quán: Thôn Bồng 2, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Sán chỉ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Lâm Tiến S, sinh năm 1957; và bà: Lưu Thị H (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995; Bị cáo có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền S: Không; Nhân thân: Ngày 25/5/2010 bị Công an huyện L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Huỷ hoại tài sản”; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2016 đến ngày 24/11/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lâm Tiến D: Bà Giáp Thị Vân, luật sư Văn phòng luật sư Kim Vĩnh An, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt và có gửi bản bào chữa đến Tòa án).

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Tên gọi khác: Không; Sinh, trú quán: Khu dân cư B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hải Dương (bị cáo khai tại phiên tòa địa chỉ nay là: Khu dân cư B, phường B, thị xã C, tỉnh Hải Dương); Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết) và con bà Vũ Thị T (không rõ địa chỉ cư trú); Có vợ là Đinh Thị H, sinh năm 1978 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 2004;

Tiền án, tiền S: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 38/HSST ngày 12/12/2002 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng và pH chịu 50.000 đồng án phí HSST (số tiền trộm cắp là 8.000.000 đồng). Ngày 11/5/2006 bị cáo đã chấp hành xong tiền án phí; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 30/10/2016 đến ngày 08/11/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

5. Nguyễn Công P, sinh năm 1972; Tên gọi khác: Không; Sinh, trú quán: khu Làng Chũ, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 06/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Công T (đã chết); và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1942; Có vợ là Trần Thị H sinh năm 1976 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền S: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 1794/HSPT ngày 27/11/2002 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao tại Hà Nội đã xử phạt 02 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ” và 02 năm tù về tội “Lợi dụng các quyền tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 04 năm tù và phải chịu 50.000 đồng án phí HSPT. Ngày 20/10/2005 bị cáo chấp hành xong án phí; Tại Bản án số 45/2005/HSST ngày 30/11/2005 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” (tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 2.361.000 đồng); Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 30/10/2016 đến ngày 08/11/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

Bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, song sáng ngày 29/12/2017 bị cáo T đã có văn bản rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã có thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn có các bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan khác, song không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định tổ chức sới bạc để thu tiền hồ (tiền của những người đến tham gia đánh bạc) nên Nguyễn Văn H sinh năm 1974, trú tại Thôn X, xã T, huyện L đã đến nhà Lâm Tiến D sinh năm 1988, trú tại thôn Bông 2, xã T, huyện L đặt vấn đề với D là cho H tổ chức sới bạc tại nhà D và sẽ trả tiền thuê địa điểm. D bảo H đi hỏi bố của D là ông Lâm Tiến S sinh năm 1957 (đang bị tai biến mạnh mẫu não liệt nửa người) nên H đã đi hỏi ông S và được ông S đồng ý. Sau khi hỏi được địa điểm mở sới bạc, H đã nhờ Trần Việt C (tên gọi khác là H) sinh năm 1972, trú tại

Khu H, thị trấn C, huyện L đến giúp H để tổ chức sới bạc, đồng thời gọi điện thoại cho một số người là Nguyễn Công P sinh năm 1972, trú tại khu Làng C; Nguyễn Văn S sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã M, huyện V, tỉnh H Yên và hẹn những người này buổi chiều ngày 29/10/2016 đến nhà Lâm Tiến D để đánh bạc.

Khoảng 13 giờ ngày 29/10/2016, H đi xe mô tô một mình từ nhà đến nhà Lâm Tiến D để tổ chức sới bạc. Khi đến nhà D, lúc này có D và chị Nguyễn Thị Y (vợ D) và ông Sứa (bồ đẻ D) ở nhà. H ngồi uống nước với D ở bàn uống nước ở tầng 1 để chờ mọi người đến để tổ chức cho mọi người đánh bạc. Do biết H tổ chức sới bạc tại nhà D nên từ khoảng hơn 13 giờ đến hơn 14 giờ cùng ngày có khoảng hơn 20 người đến nhà D để tham gia đánh bạc hoặc bán nước và xem đánh bạc gồm: Nguyễn Văn S sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã M, huyện V; Vũ Văn H sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã H, huyện Y, đều ở tỉnh H Yên; Nguyễn Văn T sinh năm 1979, trú tại Khu dân cư B, thị trấn B, huyện C, tỉnh H Dương; Trần Việt C (Hậu) sinh năm 1972; Phạm Văn T sinh năm 1985 đều trú tại Khu H, thị trấn C; Đinh Văn P sinh năm 1983; Hoàng Thị N sinh năm 1985; Nguyễn Ngọc T sinh năm 1995 đều trú tại Khu H, thị trấn C; Nguyễn Công P sinh năm 1972; La Hồng V sinh năm 1989 đều trú tại khu Làng C, thị trấn C; Phan Văn H sinh năm 1991, trú tại phố K, xã P; Đào Văn C sinh năm 1987, trú tại thôn B, xã T; Lâm Văn C sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã K; La Thế C sinh năm 1995, trú tại thôn N, xã K; Lê Thành M sinh năm 1988, trú tại thôn M, xã N; Phạm Văn H sinh năm 1982, trú tại thôn L, xã N; Nguyễn Ngọc Q - sinh năm 1989, trú tại thôn M, xã N tất cả đều ở huyện L, tỉnh Bắc Giang; Lê Văn S sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Triệu Thị T sinh năm 1983; Bàn Thị D sinh năm 1973 đều trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi thấy mọi người đã đến đông đủ, H bảo Lâm Tiến D ra khóa cổng và cửa nhà lại đồng thời bảo Trần Việt C thu hết điện thoại của mọi người lại. Sau đó D đi ra khóa cổng và cửa nhà lại, còn C đi thu hết điện thoại của những người đến đánh bạc cho vào 01 chiếc túi sách màu đen. Sau khi D đã khóa cổng và cửa nhà lại, H bảo mọi người đi lên phòng ở tầng hai nhà D để đánh bạc. Nguyễn Văn S, Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Trần Việt C, Phạm Văn T, Đinh Văn P, Hoàng Thị N, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Công P, La Hồng V, Phan Văn H, Đào Văn C, Lê Thành M, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc Q, Lê Văn S, Triệu Thị T, Bàn Thị D cùng nhau đi lên phòng trên tầng hai nhà D, còn Lâm Tiến D không lên ngồi ở bàn uống nước để có ai đến nếu H bảo mở cửa cho vào thì D sẽ mở cửa cho vào, còn Lâm Văn C và La Thế C không lên vẫn ngồi uống nước cùng với D. Khi mọi người lên phòng đựng đồ trên tầng hai nhà D đã thấy có 01 chiếc chiếu nhựa và 01 chiếc vỏ chăn đã trải sẵn. Do chưa có bát đĩa nên có người gọi D cho mượn bát đĩa nên D vào chạn của gia đình lấy 03 chiếc bát con, 01 chiếc đĩa bằng sứ để ra chân cầu thang, sau đó có người xuống cầm lên phòng. Trần Việt C lấy 01 chiếc kéo ở bàn nhà D rồi lấy 02 quân tổ tôm C đem theo từ nhà cắt thành 04 quân vị rồi cắt băng D màu đen dán vào một mặt của 04 quân vị. Sau khi C cắt

quân vị xong, H bảo C đi lên tầng ba nhà D để cảnh giới nếu thấy Công an đến thì báo cho mọi người nên C đi lên tầng 03 nhà D để cảnh giới. Nguyễn Văn T lấy 01 vỏ cây thuốc lá Vinataba và lấy bút bi vẽ làm bảng vị. Bảng vị gồm 04 ô gồm: 01 ô ghi 01 đen 03 trắng; 01 ô ghi 03 đen 01 trắng; 01 ô ghi 04 đen; 01 ô ghi 04 trắng và bảo với H cho Tâm cầm bảng vị. Sau khi chuyển bị xong dụng cụ, mọi người bắt đầu ngồi xuống chiếu để đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Những người tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Văn S; Nguyễn Văn T; Vũ Văn H; Phạm Văn T; Đinh Văn P; Hoàng Thị N; Nguyễn Công P; Phan Văn H; Đào Văn C; Lê Thành M; Nguyễn Ngọc Q; Lê Văn ; Triệu Thị T và Bàn Thị D. Trong đó Nguyễn Văn S là người xóc cái cho mọi người chơi; Nguyễn Văn T là người cầm bảng vị; Vũ Văn H làm hồ lý (thu tiền của người thua bạc, trả tiền cho những người thắng bạc) giúp cho người xóc cái. Nguyễn Văn H không tham gia đánh bạc mà chỉ làm nhiệm vụ giữ trật tự tại sới bạc và thu tiền hồ; La Hồng V không tham gia đánh bạc mà ngồi bán nước cho các con bạc; Nguyễn Ngọc T; Phạm Văn H không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem.

Hình thức đánh xóc đĩa như sau: Người xóc cái dùng 04 quân cái một mặt đen, một mặt trắng cho vào 01 đĩa sứ rồi dùng bát con úp lên, dùng tay cầm cả đĩa và bát sóc đều. Quy định phía bên tay phải của người xóc cái là bên chẵn, phía bên tay trái của người xóc cái là bên lẻ. Người tham gia đánh bạc đặt cược tiền bên chẵn hay lẻ tùy theo ý thích. Mức chơi thấp nhất 50.000 đồng một người mỗi ván, mức tối đa không giới hạn, khi mở bát ra nếu quân cái thể hiện 03 quân trắng, 01 quân đen hoặc 03 quân đen, 01 quân trắng thì những người đặt tiền ở bên lẻ thắng bạc. Nếu quân cái thể hiện 02 quân đen, 02 quân trắng hoặc 04 quân đen, 04 quân trắng thì những người đặt tiền ở bên chẵn thắng bạc, tỷ lệ được thua là 1/1. Sau khi mở bát ra thì người làm hồ lý thu tiền của bên thua bạc trả tiền cho bên thắng bạc, nếu thừa thì đưa cho người xóc cái được hưởng, nếu thiếu thì lấy tiền người xóc cái bù vào. Quá trình đánh mọi người có thể đánh bằng vị với T, hình thức đánh bằng vị như sau: Tờ bảng vị được chia thành 04 ô; 01 ô ghi 03 đen 01 trắng; 01 ô ghi 03 trắng 01 đen; 01 ô ghi 04 đen; 01 ô ghi 04 trắng. Sau khi người xóc cái mở bát ra nếu 04 quân cái trùng với ô nào trên bảng vị mà người chơi đã đặt tiền thì sẽ thắng, tỷ lệ đối với ô có 04 chấm đen hoặc 04 chấm trắng thì số tiền thắng gấp 10 lần số tiền người chơi đã đặt; còn với ô có 3 chấm đen, 1 chấm trắng và ô có 3 chấm trắng, 1 chấm đen thì người chơi sẽ được gấp ba lần số tiền đã đặt. Mọi người đánh bạc được một lúc thì H bảo thu tiền phé của mỗi người 500.000 đồng, một số người đã để tiền xuống chiếu nộp cho H, còn một số người chưa nộp, khi mọi người nộp tiền phé để xuống chiếu thì Nguyễn Công P cầm đưa cho H, H đếm được 5.500.000 đồng, thu tiền phé xong H lại đi xuống tầng 1 ngồi uống nước với D thỉnh thoảng đi lên quan sát và giữ trật tự.

Các đối tượng đánh bạc đến 15 giờ 15 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang, bắt giữ được 17 người trong đó có 12 người

tham gia đánh bạc và 04 người không tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Thị Yên (là vợ D). Có 05 người chạy thoát trong đó có 04 người tham gia đánh bạc gồm: Vũ Văn H, Bàn Thị D, Đào Văn C, Nguyễn Văn S và 01 người không tham gia đánh bạc là Phạm Văn H. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị có một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 bảng vị bằng bìa cây thuốc lá Vinataba; 01 bảng vị bằng bìa Heniken; 01 chiếu nhựa kích thước 2x2,5m; số tiền tại chiếu bạc 7.950.000 đồng; 04 điện thoại di động các loại. Các đối tượng tự giao nộp số tiền 75.199.000 đồng; 05 điện thoại di động các loại.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Lâm Tiến D tại thôn Bồng 2, xã T, huyện L. Quá trình khám xét đã thu giữ 01 túi sách màu nâu tại bàn uống nước ở tầng một, kiểm tra bên trong có 02 bộ bài Chấn thần tài gồm 100 quân bài; 01 chiếc kéo chuỗi bằng nhựa màu cam; 01 chiếc kéo chuỗi bằng nhựa màu xanh; 17 điện thoại di động các loại. Thu giữ tại phòng ngủ ở tầng hai của vợ chồng D 01 túi sách màu đen, kiểm tra bên trong túi có số tiền 2.450.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung; 01 điện thoại nhãn hiệu Lenovo; 01 quyển sổ vở màu hồng nhãn hiệu Hải Tiến. Thu giữ tại sân nhà Lâm Tiến D 10 xe mô tô các loại, kiểm tra bên trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển kiểm soát 98E1-033.10 thu giữ 01 điện thoại di động Iphone màu trắng.

Sau khi bắt giữ được các đối tượng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã đưa các đối tượng về trụ trở để làm việc. Quá trình làm việc xác định các đối tượng La Hồng V, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Ngọc T, Lâm Văn C, La Thế C không tham gia đánh bạc nên ngày 30/10/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định trả tự do cho những người này.

Đối với Bàn Thị D, Đào Văn C, Nguyễn Văn S, Vũ Văn H sau khi bỏ trốn, trong các ngày 09 và 18/11/2016; 12/01/2017 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Quá trình điều tra các đối tượng khai số tiền đem theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau:

Nguyễn Văn H là người đứng ra tổ chức sới bạc và nhờ Trần Văn C giúp sức tổ chức sới bạc. Khi các đối tượng đánh bạc H là người giữ trật tự cho mọi chơi. Ngày 29/10/2016 H thu tiền phé được 5.500.000 đồng, khi Công an đến bắt H đã giao nộp số tiền 8.300.000 đồng (trong đó có 5.500.000 đồng là tiền phé thu của các con bạc).

Trần Việt C khai là người giúp sức cho H tổ chức sới bạc, C là người thu điện thoại của các con bạc, cắt quân vị cho các con bạc chơi và làm nhiệm vụ canh gác. Ngày 29/10/2016 C có đem theo số tiền 1.200.000 đồng nhưng H không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi phát hiện thấy lực lượng Công an đến bắt C đã thông báo cho mọi người bỏ chạy.

Lâm Tiến D khai là chủ nhà không tham gia đánh bạc nhưng H đã cho các con bạc chơi tại nhà mình để được H trả tiền mượn địa điểm tổ chức đánh bạc và là người đã đóng mở cửa và lấy bát, đĩa cho các con bạc chơi.

Nguyễn Văn S khai có 3.000.000 đồng đều sử dụng để tham gia đánh bạc, S là người xóc cái cho mọi người đánh bạc. Khi Công an đến bắt quả tang, S đã thua hết tiền và bỏ chạy.

Nguyễn Văn T khai có 1.200.000 đồng đều sử dụng để đánh bạc, Tâm là người cầm bảng vị. Khi Công an đến bắt, Tâm đã bị thua hết số tiền đem theo.

Vũ Văn H khai khi đến sới bạc do không có tiền nên H đã làm hồ lý, giúp người xóc cái trả tiền tiền thắng, thua cho các con bạc.

Nguyễn Ngọc Q khai có 11.550.000 đồng, nhưng chỉ bỏ ra 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc, còn lại số tiền 11.050.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Q đánh được 03 ván thì thua hết số tiền 500.000 đồng nên không chơi nữa. Khi Công an đến bắt, Q đã giao nộp số tiền 11.050.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đinh Văn P khai có 2.050.000 đồng đều sử dụng để đánh bạc. Khi Công an đến bắt P đang bị thua, còn lại 550.000 đồng đã giao nộp cho Công an.

Hoàng Thị N khai có 8.000.000 đồng đều sử dụng để đánh bạc. Khi Công an đến bắt N đang thua, còn 6.500.000 đồng đã giao nộp cho Công an.

Lê Thành M khai có 2.000.000 đồng đều sử dụng để đánh bạc. Khi Công an đến bắt M không thắng, không thua, đã giao nộp cho Công an số tiền 2.000.000 đồng.

Triệu Thị T khai có 1.500.000 đồng đều sử dụng để đánh bạc. Khi Công an đến bắt T đang thắng bạc, đã giao nộp số tiền 2.800.000 đồng.

Bàn Thị D khai có 1.400.000 đồng đều sử dụng để đánh bạc. Khi Công an đến bắt D đang thua, số tiền còn lại khi bỏ chạy đã bị rơi mất.

Nguyễn Công P khai có 27.600.000 đồng nhưng chỉ bỏ ra 600.000 đồng để đánh bạc, còn lại số tiền 27.000.000 đồng là tiền để trả tiền vật liệu xây dựng không sử dụng đánh bạc. P đánh bạc được 02 ván thắng thêm được 400.000 đồng. Khi Công an đến bắt P đã giao nộp số tiền 28.000.000 đồng (trong đó có 27.000.000 đồng là tiền không sử dụng vào mục đích đánh bạc).

Phạm Văn T khai có 1.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Khi Công an đến bắt T đang thua, còn 100.000 đồng đã giao nộp cho Công an.

Phan Văn H khai có khoảng 500.000 đồng đến 600.000 đồng để đánh bạc. Khi Công an đến bắt H đã bị thua hết tiền.

Đào Văn C khai có 200.000 đồng nhưng chỉ bỏ ra 50.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại C để đi cắt tóc không sử dụng vào mục đích đánh bạc. C đánh 01 ván bên lẻ 50.000 đồng và bị thua. Khi Công an đến bắt C bỏ chạy và đã làm rơi mất số tiền còn lại.

Lê Văn S khai có 100.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Khi Công an đến bắt S đã thua hết tiền và đang ngồi xem.

Với nội dung trên bản án hình S sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Việt C, Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Tuyên bố bị cáo Lâm Tiến D phạm tội “Gá bạc”; Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công P, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

1. □p dụng khoản 1, 3 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 30/10/2016 đến ngày 24/11/2016). Phạt bổ sung bằng tiền 6.000.000đ sung công quỹ nhà nước

2. □p dụng điểm c khoản 2, 3 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Việt C 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 30/10/2016 đến ngày 24/11/2016). Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

3. □p dụng khoản 1, 3 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lâm Tiến D 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 30/10/2016 đến ngày 24/11/2016). Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

4. □p dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 3 Điều 7; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ (Từ ngày 30/10/2016 đến ngày 08/11/2016).

Miễn phạt tiền cho bị cáo.

5. □p dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công P 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ (Từ ngày 30/10/2016 đến ngày 08/11/2016). Phạt bổ sung bằng tiền 3.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

6. □p dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ (Từ ngày 30/10/2016 đến ngày 08/11/2016).

Phạt bổ sung bằng tiền 3.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt bị cáo khác, xử lý vật chứng, tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 05/9/2017 bị cáo Phạm Văn T, Trần Việt C nộp đơn kháng cáo cùng một nội dung xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo với nội dung xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; Ngày 06/9/2017 bị cáo Nguyễn Công P và bị cáo Nguyễn Văn H nộp đơn kháng cáo cùng một nội dung xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng án treo, án xử nặng; Bị cáo Lâm Tiến D kháng cáo với nội dung xin cấp phúc thẩm xem xét xin hưởng án treo cho bị cáo. Các bị cáo khác không kháng cáo. Ngày 29/12/2017 trước khi mở phiên tòa bị cáo Phạm Văn T rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo, bản thân bị cáo có con còn nhỏ, vợ đã ly hôn, bố bị cáo được Nhà nước tặng huy chương chiến sỹ giải phóng hạng ba và là liệt sỹ.

Bị cáo Trần Việt C vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Sau khi cấp sơ thẩm xét xử, bị cáo C yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo có con còn nhỏ, vợ đã bỏ đi, hiện bị cáo phải nuôi mẹ già và chị gái mắc bệnh tâm thần.

Bị cáo Nguyễn Công P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo có con còn nhỏ, mẹ già, lại là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo Lâm Tiến D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự gì, hành vi phạm tội do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố đẻ bị liệt lại phải nuôi con nhỏ, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp trước 6.700.000 đồng tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001805 ngày 06/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Sau khi cấp sơ thẩm xét xử, bị cáo Bị cáo Nguyễn Văn H yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: Trong quá trình điều tra

cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bổ để được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng C.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S đối với các bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình S: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Công P. Giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí vì thuộc hộ nghèo, các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D, Nguyễn Công P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do bị cáo Lâm Tiến D có mời luật sư bào chữa, luật sư vắng mặt song đã gửi bản bào chữa, Hội đồng xét xử đã đọc bản bào chữa tại phiên tòa, bản bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lâm Tiến D đồng ý với bản bào chữa của luật sư mà HĐXX đã đọc tại phiên tòa và không bổ sung gì thêm, không tranh luận gì.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Công P không tranh luận gì.

Kiểm sát viên đối đáp với quan điểm của luật sư: Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Lâm Tiến D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Công P: Đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Công P đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, Đối với luật sư bào chữa cho bị cáo Lâm Tiến D vắng mặt song đã gửi bản bào chữa cho bị cáo Lâm Tiến D. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa thấy đủ cơ sở xác định: Buổi chiều ngày 29/10/2016 Nguyễn Văn H và Trần Việt C đã có hành vi tổ chức cho một số

người đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền tại nơi ở của Lâm Tiến D ở thôn Bồng 2, xã T, huyện L. Lâm Tiến D không tham gia tổ chức đánh bạc cùng với H và C nhưng đã cho H thuê địa điểm là nhà ở của mình để H và C tổ chức đánh bạc và cung cấp dụng cụ cho các đối tượng đánh bạc. Những người tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Văn S; Nguyễn Văn T; Phạm Văn T; Đinh Văn P; Hoàng Thị N; Nguyễn Công P; Phan Văn H; Đào Văn C; Lê Thành M; Nguyễn Ngọc Q; Lê Văn S; Triệu Thị T; Bàn Thị D và Vũ Văn H. Các đối tượng đánh bạc đến 15 giờ 15 phút cùng ngày đã bị tổ công tác Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang, bắt giữ được 13 người tham gia đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc; 04 người tham gia đánh bạc chạy thoát sau đó ra đầu thú. Thu giữ toàn bộ tiền, công cụ dụng cụ sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền Nguyễn Văn H và Trần Việt C đã thu lời bất chính từ việc tổ chức đánh bạc là 5.500.000 đồng. Tổng số tiền Lâm Tiến D đã thu lợi được từ việc Gá bạc là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 20.900.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Trần Việt C, Nguyễn Văn H đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Lâm Tiến D phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình S; Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Công P đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử các bị cáo Trần Việt C, Nguyễn Văn H về tội “Tổ chức đánh bạc”; Bị cáo Lâm Tiến D về tội “Gá bạc”; Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Công P về tội “Đánh bạc” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo thấy: Bị cáo Nguyễn Văn H là người đứng ra liên hệ địa điểm, trực tiếp liên lạc, tổ chức để các bị cáo thực hiện việc đánh bạc, thu tiền của các bị cáo để nộp cho chủ nhà. Do vậy bị cáo H giữ vai trò chính và vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Trần Việt C là người giúp sức tích cực cho bị cáo Học, là người thu điện thoại của các con bạc, cất quân vị cho các con bạc chơi và làm nhiệm vụ canh gác, nên giữ vai trò sau bị cáo H. Lâm Tiến D là chủ nhà không tham gia đánh bạc nhưng đã cho các con bạc chơi tại nhà mình để được H trả tiền mượn địa điểm tổ chức đánh bạc và là người đã đóng mở cửa và lấy bát, đĩa cho các con bạc chơi. Nguyễn Văn T là người cầm bản vị, có số tiền tham gia đánh bạc là 1.200.000 đồng. Bị cáo P có số tiền tham gia đánh bạc là 600.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D, Nguyễn Văn T giữ vai trò lớn trong vụ án như trên, có nhân thân xấu hoặc có tiền án; Bị cáo Nguyễn Công P có vai trò nhẹ hơn nhưng có nhân thân xấu.

Án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S, nhân thân của các bị cáo và tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 tháng tù, bị cáo Trần Việt C 03 năm 03 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc", bị cáo Lâm Tiến D 12 tháng tù về tội “Gá bạc”, bị

cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù, bị cáo Nguyễn Công P 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và không nặng đối với các bị cáo. Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Công P 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người, đúng tội song mức hình phạt là nặng đối với bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo Lâm Tiến D có xuất trình thêm biên lai nộp tiền tự nguyện thi hành án trước. Xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo D. Các bị cáo còn lại đều không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S nào mới. Các bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án nên không thể chấp nhận kháng cáo của các bị cáo được. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D, Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Công P có vai trò không lớn trong vụ án, số tiền tham gia đánh bạc ít, cấp sơ thẩm xử phạt 07 tháng tù trong khi các bị cáo khác đánh bạc có số tiền nhiều hơn lại xử mức hình phạt nhẹ hơn, nên cần chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ vì nhân thân bị cáo rất xấu nên không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Do các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Riêng bị cáo Nguyễn Văn T thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Công P được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 2, Điều 248, Điểm c Khoản 1, Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D, Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Trần Việt C, Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Tuyên bố bị cáo Lâm Tiến D phạm tội “Gá bạc”; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 30/10/2016 đến ngày 24/11/2016).

2. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Việt C 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 30/10/2016 đến ngày 24/11/2016).

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lâm Tiến D 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 30/10/2016 đến ngày 24/11/2016).

Xác nhận bị cáo Lâm Tiến D đã nộp 6.700.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2015/0001805 ngày 06/9/2017 của Chi cục thi hành án dân S huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 3 Điều 7; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ (Từ ngày 30/10/2016 đến ngày 08/11/2016).

[2] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công P. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công P phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công P 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ (Từ ngày 30/10/2016 đến ngày 08/11/2016).

[3] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Việt C, Lâm Tiến D, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Bị cáo Nguyễn Công P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi